

Số: 1285/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 13 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố Danh mục 16 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;  
04 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của  
hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1273/TTr-SKHĐT ngày 03 tháng 6 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 16 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 04 thủ tục hành chính được bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre (có danh mục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 24 thủ tục hành chính lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (kèm hồ sơ);
- UBND cấp huyện (kèm hồ sơ);
- Phòng KSTT (kèm hồ sơ);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.



Nguyễn Hữu Lập

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG  
CỦA HỢP TÁC XÃ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN  
NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẾN TRE**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre

| STT                       | Số hồ sơ<br>TTHC       | Tên thủ tục hành chính                                                                                       | Tên VBQPPL quy định<br>nội dung sửa đổi, bổ<br>sung                                                                                                                                                                                                                                     |
|---------------------------|------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực: Đấu thầu</b> |                        |                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 1                         | BKH-<br>BTR-<br>271961 | Đăng ký thành lập Hợp tác xã                                                                                 | <i>Thông tư số 07/2019/TT-<br/>BKHĐT ngày 08/4/2019<br/>sửa đổi, bổ sung một số<br/>điều của Thông tư số<br/>03/2014/TT-BKHĐT<br/>ngày 26/5/2014 của Bộ<br/>Kế hoạch và Đầu tư<br/>hướng dẫn về đăng ký<br/>hợp tác xã và chế độ báo<br/>cáo tình hình hoạt động<br/>của hợp tác xã</i> |
| 2                         | BKH-<br>BTR-<br>271962 | Đăng ký thành lập chi nhánh,<br>văn phòng đại diện, địa điểm<br>kinh doanh của Hợp tác xã                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 3                         | BKH-<br>BTR-<br>271963 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng<br>ký Hợp tác xã                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 4                         | BKH-<br>BTR-<br>271973 | Đăng ký thay đổi nội dung đăng<br>ký chi nhánh, văn phòng đại<br>diện, địa điểm kinh doanh của<br>Hợp tác xã |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 5                         | BKH-<br>BTR-<br>271964 | Đăng ký khi Hợp tác xã chia                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 6                         | BKH-<br>BTR-<br>271965 | Đăng ký khi Hợp tác xã tách                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| 7                         | BKH-<br>BTR-<br>271966 | Đăng ký khi Hợp tác xã hợp nhất                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                         |



|    |                        |                                                                                                                                                                                 |
|----|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 8  | BKH-<br>BTR-<br>271967 | Đăng ký khi Hợp tác xã sáp nhập.                                                                                                                                                |
| 9  | BKH-<br>BTR-<br>271968 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã (trong trường hợp vị mất hoặc bị hư hỏng) |
| 10 | BKH-<br>BTR-<br>271972 | Giải thể tự nguyện Hợp tác xã                                                                                                                                                   |
| 11 | BKH-<br>BTR-<br>271974 | Thông báo thay đổi nội dung đăng ký Hợp tác xã                                                                                                                                  |
| 12 | BKH-<br>BTR-<br>271975 | Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của Hợp tác xã                                                                                                   |
| 13 | BKH-<br>BTR-<br>271976 | Tạm ngừng hoạt động của Hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã                                                                           |
| 14 | BKH-<br>BTR-<br>271977 | Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của Hợp tác xã                                                                                        |
| 15 | BKH-<br>BTR-<br>271978 | Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã                                                                                                                                      |
| 16 | BKH-<br>BTR-<br>271979 | Thay đổi cơ quan đăng ký Hợp tác xã                                                                                                                                             |

**2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

| STT | Số hồ sơ TTHC  | Tên thủ tục hành chính                                                                    | Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính                                                                                                                                                                                                     |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | BKH-BTR-271968 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi bị mất)                                   | <p><i>Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký, hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã</i></p> |
| 2   | BKH-BTR-271969 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện Hợp tác xã (khi bị mất)     |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 3   | BKH-BTR-271970 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (khi bị hư hỏng)                               |                                                                                                                                                                                                                                                        |
| 4   | BKH-BTR-271971 | Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện Hợp tác xã (khi bị hư hỏng) |                                                                                                                                                                                                                                                        |

## 1. Đăng ký thành lập Hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền nộp hồ sơ đăng ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

- Người có thẩm quyền đăng ký cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực

đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;

- Điều lệ;

- Phương án sản xuất kinh doanh;

- Danh sách thành viên hợp tác xã;
- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
- Nghị quyết Hội nghị thành lập;
- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 150.000 đồng/lần cấp (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Danh sách thành viên hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã, Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Hồ sơ đăng ký có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Trụ sở chính của hợp tác xã được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**



- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

**Phụ lục I-1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..... ngày..... tháng..... năm....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)**

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

**2. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): .....

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, gác, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**4. Ngành, nghề kinh doanh<sup>1</sup> (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):**

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |          |                                                                                           |

**5. Vốn điều lệ:**

<sup>1</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Vốn điều lệ (bằng số; VND): .....  
 Vốn điều lệ (bằng chữ; VND): .....  
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....  
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài  
 trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  có  không

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

| Loại nguồn vốn         | Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Vốn ngân sách nhà nước |                                                                                   |           |
| Vốn tư nhân            |                                                                                   |           |
| Vốn nước ngoài         |                                                                                   |           |
| Vốn khác               |                                                                                   |           |
| Tổng cộng              |                                                                                   |           |

**7. Số lượng thành viên:** .....

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ): .....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

**9. Thông tin đăng ký thuế:**

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                               |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: ..... |
| 9.2 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm)                                              |

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |                        |       |       |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|
|               | <i>kê khai</i> ):<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |
| 9.3           | Địa chỉ nhận thông báo thuế ( <i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i> ):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại ( <i>nếu có</i> ): ..... Fax ( <i>nếu có</i> ): .....<br>Email ( <i>nếu có</i> ): ..... |               |                        |       |       |
| 9.4           | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>2</sup> ( <i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i> ): ...../...../.....                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |
| 9.5           | Hình thức hạch toán ( <i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i> ):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                              |               |                        |       |       |
| 9.6           | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>3</sup><br>( <i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i> )                                                                                                                                                                                                                                      |               |                        |       |       |
| 9.7           | Tổng số lao động ( <i>dự kiến</i> ): .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |                        |       |       |
| 9.8           | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                  |               |                        |       |       |
| 9.9           | Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>4</sup> :<br>Khấu trừ <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/><br>Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>                                                                                                         |               |                        |       |       |
| 9.10          | Thông tin về Tài khoản ngân hàng ( <i>nếu có tại thời điểm kê khai</i> ):<br><table border="1" style="width: 100%;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên ngân hàng</td> <td style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>                                                                                                      | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |               |                        |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |               |                        |       |       |

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất** (*chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....  
Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

<sup>2</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>3</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>5</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký và ghi họ tên)<sup>7</sup>

<sup>5,6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>7</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

## PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

### PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

### PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
  1. Tên hợp tác xã
  2. Địa chỉ trụ sở chính
  3. Vốn điều lệ
  4. Số lượng thành viên
  5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

### PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
  1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
  2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
  3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

### PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

### PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

| S<br>T<br>T | Tên<br>thành<br>viên | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp pháp<br>của hộ<br>gia đình | Giới<br>tính | Quốc<br>tịch | Dân<br>tộc | Chỗ ở<br>hiện tại<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Nơi đăng<br>ký hộ<br>khẩu<br>thường<br>trú đối<br>với cá<br>nhân; địa<br>chỉ trụ sở<br>chính đối<br>với tổ<br>chức | Số, ngày, cơ quan cấp<br>Chứng minh nhân<br>dân/Căn cước công<br>dân hoặc Hộ chiếu<br>đối với cá nhân; Giấy<br>chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp (hoặc<br>các giấy chứng nhận<br>tương đương) đối với<br>doanh nghiệp; Quyết<br>định thành lập đối với<br>tổ chức | Vốn góp                                                                                                                |                 | Thời<br>điểm<br>hoàn<br>thành<br>góp<br>vốn | Mã số<br>dự án,<br>ngày<br>cấp, cơ<br>quan<br>cấp<br>Giấy<br>chứng<br>nhận<br>đăng ký<br>đầu tư<br>(nếu có) | Chữ<br>ký<br>của<br>thành<br>viên <sup>1</sup> | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giá trị phân<br>vốn góp<br>(bằng số;<br>VNĐ và giá<br>trị tương<br>đương theo<br>đơn vị tiền<br>nước ngoài,<br>nếu có) | Tỷ<br>lệ<br>(%) |                                             |                                                                                                             |                                                |            |
| 1           | 2                    | 3                                                                                                                             | 4            | 5            | 6          | 7                                                                                                                      | 8                                                                                                                  | 9                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10                                                                                                                     | 11              | 12                                          | 13                                                                                                          | 14                                             | 15         |
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                        |                 |                                             |                                                                                                             |                                                |            |

..... ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

**Phụ lục I-4**

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),  
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| STT                                                | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu | Chức danh | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1                                                  | 2         | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10        | 11      |
| <b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>              |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>                 |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
|                                                    |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b> |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |

....., ngày.... tháng.... năm...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**

*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>*

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*



## 2. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, hợp tác xã gửi Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã tới Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh kèm theo 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải thêm có giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Nội dung Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã gồm có:

+ Tên hợp tác xã, địa chỉ trụ sở chính, số giấy chứng nhận đăng ký, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

+ Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh dự định thành lập; tên phải kèm theo chữ "chi nhánh" đối với đăng ký thành lập chi nhánh, chữ "văn phòng đại diện" đối với đăng ký thành lập văn phòng đại diện, chữ "địa điểm kinh doanh" đối với đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh;

+ Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã;

+ Địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

+ Ngành nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện;

+ Họ tên, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu hoặc chứng thực hợp pháp khác của người đại diện chi

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, ngành, nghề, nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với ngành, nghề hoạt động của hợp tác xã và phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan thì hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, đồng thời cập nhật vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

- Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy chứng nhận mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản tới Phòng Tài chính - Kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của

nước ngoài cấp.

- Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

**+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền ký văn bản (người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực

đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa

điểm kinh doanh;

- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 150.000 đồng/lần cấp (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Thông báo về việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-7 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Ngành, nghề, nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải phù hợp với hoạt động của hợp tác xã.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

Phụ lục I-7

TÊN HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp: .../.../.... Nơi cấp: .....

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với các nội dung sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):** .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):...

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**

a) Ngành, nghề kinh doanh (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |          |                                                                                           |
|     |           |          |                                                                                           |

b) Nội dung hoạt động (đối với văn phòng đại diện):.....

**4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Họ tên người đại diện (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

- Chứng minh nhân dân                       Căn cước công dân  
 Hộ chiếu                                               Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..../..../.... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

**5. Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thành lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):**

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

### 6. Thông tin đăng ký thuế:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 6.1 | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có): ..... |
| 6.2 | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>2</sup> (trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này): ...../...../.....                                                       |
| 6.3 | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                           |
| 6.4 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../..... đến ngày ...../..... <sup>3</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                                                                                  |
| 6.5 | Tổng số lao động (dự kiến): .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |

<sup>2</sup> Trường hợp chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận.

<sup>3</sup> Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12. Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý, ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý; Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.



| 6.6           | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |       |       |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|-------|-------|
| 6.7           | Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) <sup>4</sup> :<br>Khấu trừ <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/><br>Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |       |       |
| 6.8           | Thông tin về Tài khoản ngân hàng:<br><table border="1" data-bbox="351 625 1364 829"> <thead> <tr> <th data-bbox="351 625 880 692">Tên ngân hàng</th> <th data-bbox="880 625 1364 692">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="351 692 880 758">.....</td> <td data-bbox="880 692 1364 758">.....</td> </tr> <tr> <td data-bbox="351 758 880 829">.....</td> <td data-bbox="880 758 1364 829">.....</td> </tr> </tbody> </table> | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                        |       |       |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |               |                        |       |       |       |       |

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;
- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>5</sup>**

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

<sup>5</sup> - Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã thì người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp lập địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh thì người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

### 3. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

#### a) Trình tự thực hiện:

##### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hợp tác xã có thay đổi về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật thì hợp tác xã phải đăng ký tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Trước khi đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, hợp tác xã phải thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế. Việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của hợp tác xã.

- Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự định đặt trụ sở mới.

- Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì trường ban kiểm soát của hợp tác xã ký, ghi họ tên trong giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi của hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin thay đổi của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi của hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi của hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

##### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hợp tác xã thay đổi địa chỉ trụ sở chính sang tỉnh, thành phố khác với nơi đã đăng ký thì Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới đến Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Phòng Tài chính – Kế hoạch phải thông

báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính – Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thì hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

**+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền ký văn bản (người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã) hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký thay đổi được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với

tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký thay đổi theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

- Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội

đồng quản trị về việc thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

*- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

Phụ lục I-5

TÊN HỢP TÁC XÃ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

|  |
|--|
|  |
|  |

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã: .....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>2</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>3</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị ..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>2,3</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/  
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**  
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/  
thông báo thay đổi và gửi kèm)

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có): .....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**

**Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>4</sup>**

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Chi chú |
|-----|-----------------------------------------|----------|---------|
|     |                                         |          |         |

<sup>4</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Chi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                              |          |         |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                  |          |         |

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh chính | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------|---------|
|     |                                  |          |         |

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND): .....

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiện thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

Thời điểm thay đổi vốn: .....

Hình thức tăng, giảm vốn: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT  
VIÊN**



1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

### THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                       |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>5</sup> :<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                         |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại: .....Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có): ..... |
| 4   | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>6</sup> :...../...../.....                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 5   | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                         |

<sup>5</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chi tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chi tiêu 2.

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

| 6                        | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>7</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------------------------|---------------------|--------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| 7                        | Tổng số lao động: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| 8                        | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| 9                        | Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) <sup>8</sup> :<br><table style="width: 100%; border: none;"> <tr> <td style="text-align: right;">Khấu trừ</td> <td style="text-align: right;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">Trực tiếp trên GTGT</td> <td style="text-align: right;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">Trực tiếp trên doanh số</td> <td style="text-align: right;"><input type="checkbox"/></td> </tr> <tr> <td style="text-align: right;">Không phải nộp thuế GTGT</td> <td style="text-align: right;"><input type="checkbox"/></td> </tr> </table> | Khấu trừ      | <input type="checkbox"/> | Trực tiếp trên GTGT | <input type="checkbox"/> | Trực tiếp trên doanh số | <input type="checkbox"/> | Không phải nộp thuế GTGT | <input type="checkbox"/> |
| Khấu trừ                 | <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| Trực tiếp trên GTGT      | <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| Trực tiếp trên doanh số  | <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| Không phải nộp thuế GTGT | <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| 10                       | Thông tin về Tài khoản ngân hàng:<br><table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td style="text-align: center;">.....</td> </tr> </tbody> </table>                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng   | .....               | .....                    |                         |                          |                          |                          |
| Tên ngân hàng            | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |
| .....                    | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |               |                          |                     |                          |                         |                          |                          |                          |

<sup>7</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31.12.  
- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.  
- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>8</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

**ĐĂNG KÝ  
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../.....Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ..../..../....Nơi cấp: .....Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): .....

Đề nghị ..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN  
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:**

.....  
.....  
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>9</sup>*

---

<sup>9</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

#### 4. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

##### a) Trình tự thực hiện:

##### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

- Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã phải đăng ký thay đổi tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới. Sau khi cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã, Phòng Tài chính – Kế hoạch nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã cấp mới cho hợp tác xã đến Phòng Tài chính – Kế hoạch trước đây hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài chính – Kế hoạch thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cũ khi được cấp giấy đăng ký mới.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền ký văn bản hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký thay đổi được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn

phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính – Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung, Phòng Tài chính – Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký thay đổi theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký thay đổi qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính – Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

- Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội

đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện. *Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.*

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Thông báo về việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*



TÊN HỢP TÁC XÃ

-----

Phụ lục I-9  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: ..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh,  
văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup>  
(chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): ..... Ngày  
cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh/văn phòng  
đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của  
chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh  
doanh của hợp tác xã (trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa  
điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh  
doanh): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký thay đổi nội dung  
đăng ký hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi  
nhánh/mã số thuế của chi nhánh): ..... Ngày cấp:  
...../...../..... Nơi cấp: .....

**Nội dung đăng ký thay đổi:**

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp  
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)<sup>7</sup>

<sup>6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

## 5. Đăng ký khi hợp tác xã chia

### a) Trình tự thực hiện:

+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Hội đồng quản trị của hợp tác xã dự kiến chia xây dựng phương án chia trình đại hội thành viên quyết định.

- Sau khi đại hội thành viên quyết định chia, Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về quyết định chia hợp tác xã và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập hợp tác xã mới.

- Hợp tác xã được chia thực hiện phương án chia đã được quyết định và tiến hành thủ tục thành lập theo quy định. Hợp tác xã mới nộp hồ sơ đăng ký tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Người có thẩm quyền đăng ký cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân

---

- Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp

tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này

*không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.*

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;
  - Điều lệ;
  - Phương án sản xuất kinh doanh;
  - Danh sách hợp tác xã thành viên;
  - Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
  - Nghị quyết của Đại hội thành viên về việc chia hợp tác xã.
- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 150.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;*

*- Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;*

*- Danh sách hợp tác xã thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;*

*- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục:**

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã, Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Hồ sơ đăng ký có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Trụ sở chính của hợp tác xã được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Phụ lục I-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)**

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

**2. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): .....

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**4. Ngành, nghề kinh doanh<sup>8</sup>** (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |          |                                                                                           |

**5. Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ (bằng số; VNĐ): .....

Vốn điều lệ (bằng chữ; VNĐ): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

| Loại nguồn vốn         | Số tiền (bằng số; VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Vốn ngân sách nhà nước |                                                                                   |           |
| Vốn tư nhân            |                                                                                   |           |
| Vốn nước ngoài         |                                                                                   |           |
| Vốn khác               |                                                                                   |           |
| Tổng cộng              |                                                                                   |           |

**7. Số lượng thành viên:** .....

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

<sup>8</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.



Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

### 9. Thông tin đăng ký thuế:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                  |
| 9.2 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai):<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: ..... |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 9.3 | Địa chỉ nhận thông báo thuế ( <i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i> ):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại ( <i>nếu có</i> ): ..... Fax ( <i>nếu có</i> ): .....<br>Email ( <i>nếu có</i> ): ..... |
| 9.4 | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>9</sup> ( <i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i> ): ...../...../.....                                                                                                                                                                           |
| 9.5 | Hình thức hạch toán ( <i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i> ):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                              |
| 9.6 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>10</sup><br>( <i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i> )                                                                                                                                                                                                                                     |
| 9.7 | Tổng số lao động ( <i>dự kiến</i> ): .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| 9.8 | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 9.9 | Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>11</sup> :<br>Khấu trừ <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                             |

<sup>9</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>10</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>11</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

|      |                                                                  |                        |
|------|------------------------------------------------------------------|------------------------|
|      | Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>                |                        |
| 9.10 | Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): |                        |
|      | Tên ngân hàng                                                    | Số tài khoản ngân hàng |
|      | .....                                                            | .....                  |

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất** (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>12</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>7</sup>

<sup>12,6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>7</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-2**  
**PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

**PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ**

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

**PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ**

- I. Giới thiệu tổng thể
  1. Tên hợp tác xã
  2. Địa chỉ trụ sở chính
  3. Vốn điều lệ
  4. Số lượng thành viên
  5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

**PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH**

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
  1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
  2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
  3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

**PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH**

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

**PHẦN V. KẾT LUẬN**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Phụ lục I-3**  
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| S<br>T<br>T | Tên<br>thành<br>viên | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh<br>đối với<br>thành<br>viên là cá<br>nhân,<br>người đại<br>diện hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Giới<br>tính | Quốc<br>tịch | Dân<br>tộc | Chỗ ở<br>hiện tại<br>đối với<br>thành<br>viên là cá<br>nhân,<br>người đại<br>diện hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Nơi đăng<br>ký hộ<br>khẩu<br>thường trú<br>đối với cá<br>nhân; địa<br>chỉ trụ sở<br>chính đối<br>với tổ<br>chức | Số, ngày, cơ quan cấp.<br>Chứng minh nhân<br>dân/Căn cước công dân<br>hoặc Hộ chiếu đối với<br>cá nhân; Giấy chứng<br>nhận đăng ký doanh<br>nghiệp (hoặc các giấy<br>chứng nhận tương<br>đương) đối với doanh<br>nghiệp; Quyết định<br>thành lập đối với tổ<br>chức | Vốn góp                                                                                                                |              | Thời<br>điểm<br>hoàn<br>thành<br>góp<br>vốn | Mã số dự<br>án, ngày<br>cấp, cơ<br>quan cấp<br>Giấy<br>chứng<br>nhận<br>đăng ký<br>đầu tư<br>(nếu có) | Chữ<br>ký<br>của<br>thành<br>viên <sup>1</sup> | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                     |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                     | Giá trị phần<br>vốn góp<br>(bằng số;<br>VNĐ và giá<br>trị tương<br>đương theo<br>đơn vị tiền<br>nước ngoài,<br>nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) |                                             |                                                                                                       |                                                |            |
| 1           | 2                    | 3                                                                                                                             | 4            | 5            | 6          | 7                                                                                                                   | 8                                                                                                               | 9                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10                                                                                                                     | 11           | 12                                          | 13                                                                                                    | 14                                             | 15         |
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                     |                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                        |              |                                             |                                                                                                       |                                                |            |

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Phụ lục I-4

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),  
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| STT                                                | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu | Chức danh | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1                                                  | 2         | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10        | 11      |
| <b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>              |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>                 |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
|                                                    |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b> |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |

....., ngày.... tháng.... năm...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
 CỦA HỢP TÁC XÃ**  
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

## 6. Đăng ký khi hợp tác xã tách

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Hội đồng quản trị của hợp tác xã dự kiến tách xây dựng phương án tách trình đại hội thành viên quyết định.

- Sau khi đại hội thành viên quyết định tách, Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về quyết định tách hợp tác xã và giải quyết các vấn đề liên quan trước khi tiến hành thủ tục thành lập hợp tác xã mới.

- Hợp tác xã được tách thực hiện phương án tách đã được quyết định và nộp hồ sơ đăng ký tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Người có thẩm quyền đăng ký cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, *Bộ phận tiếp nhận và trả kết*

quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh



nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;

- Điều lệ;

- Phương án sản xuất kinh doanh;
- Danh sách hợp tác xã thành viên;
- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc tách hợp tác xã.
- Trường hợp đăng ký hợp tác xã là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 150.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT

- Danh sách hợp tác xã thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã, Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Hồ sơ đăng ký có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;

- Trụ sở chính của hợp tác xã được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

**Phụ lục I-1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)**

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

**2. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): .....

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**4. Ngành, nghề kinh doanh<sup>1</sup>** (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |          |                                                                                           |

**5. Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ (bằng số; VND): .....

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

| Loại nguồn vốn         | Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Vốn ngân sách nhà nước |                                                                                   |           |
| Vốn tư nhân            |                                                                                   |           |
| Vốn nước ngoài         |                                                                                   |           |
| Vốn khác               |                                                                                   |           |
| Tổng cộng              |                                                                                   |           |

**7. Số lượng thành viên:** .....

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

<sup>1</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (ghi rõ):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: .... / .... / .... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

### 9. Thông tin đăng ký thuế:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                  |
| 9.2 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có tại thời điểm kê khai):<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: ..... |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 9.3 | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có): ..... |
| 9.4 | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>2</sup> (trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này): ...../...../.....                                                                                                                                                |
| 9.5 | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                   |
| 9.6 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>3</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                                                                                           |
| 9.7 | Tổng số lao động (dự kiến): .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 9.8 | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                              |
| 9.9 | Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) <sup>4</sup> :<br>Khấu trừ <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>                                                                                                                                   |

<sup>2</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>3</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

|      |                                                                  |                        |
|------|------------------------------------------------------------------|------------------------|
|      | Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>                |                        |
| 9.10 | Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): |                        |
|      | Tên ngân hàng                                                    | Số tài khoản ngân hàng |
|      | .....                                                            | .....                  |

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất** (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>5</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trụ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>7</sup>

<sup>5,6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>7</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.



## Phụ lục I-2

# PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

## PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

## PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
  1. Tên hợp tác xã
  2. Địa chỉ trụ sở chính
  3. Vốn điều lệ
  4. Số lượng thành viên
  5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

## PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
  1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
  2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
  3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

## PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

## PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| S<br>T<br>T | Tên<br>thành<br>viên | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp pháp<br>của hộ<br>gia đình | Giới<br>tính | Quốc<br>tịch | Dân<br>tộc | Chỗ ở<br>hiện tại<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Nơi đăng<br>ký hộ<br>khẩu<br>thường<br>trú đối<br>với cá<br>nhân; địa<br>chỉ trụ sở<br>chính đối<br>với tổ<br>chức | Số, ngày, cơ quan cấp<br>Chứng minh nhân<br>dân/Căn cước công<br>dân hoặc Hộ chiếu<br>đối với cá nhân; Giấy<br>chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp (hoặc<br>các giấy chứng nhận<br>tương đương) đối với<br>doanh nghiệp; Quyết<br>định thành lập đối với<br>tổ chức | Vốn góp                                                                                                               |                 | Thời<br>điểm<br>hoàn<br>thành<br>góp<br>vốn | Mã số<br>dự án,<br>ngày<br>cấp, cơ<br>quan<br>cấp<br>Giấy<br>chứng<br>nhận<br>đăng ký<br>đầu tư<br>(nếu có) | Chữ<br>ký<br>của<br>thành<br>viên <sup>1</sup> | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giá trị phần<br>vốn góp<br>(bằng số;<br>VNĐ và giá<br>trị tương<br>đương theo<br>đơn vị tiền<br>mức ngoài,<br>nếu có) | Tỷ<br>lệ<br>(%) |                                             |                                                                                                             |                                                |            |
| 1           | 2                    | 3                                                                                                                             | 4            | 5            | 6          | 7                                                                                                                      | 8                                                                                                                  | 9                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10                                                                                                                    | 11              | 12                                          | 13                                                                                                          | 14                                             | 15         |
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                       |                 |                                             |                                                                                                             |                                                |            |

....., ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**Phụ lục I-4**

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),  
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| STT                                                | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu | Chức danh | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1                                                  | 2         | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10        | 11      |
| <b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>              |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>                 |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
|                                                    |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b> |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |

....., ngày.... tháng.... năm...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

*Ghi chú: Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

## 7. Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Hội đồng quản trị của các hợp tác xã dự kiến hợp nhất xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về quyết định hợp nhất.

- Hội đồng quản trị của các hợp tác xã dự định hợp nhất hiệp thương thành hội đồng hợp nhất. Hội đồng có nhiệm vụ xây dựng phương án hợp nhất trình đại hội thành viên quyết định.

- Hợp tác xã sau khi hợp nhất nộp hồ sơ đăng ký tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Người có thẩm quyền đăng ký cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho

người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người thành lập hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ

chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã;

- Điều lệ;

- Phương án sản xuất kinh doanh;
- Danh sách hợp tác xã thành viên;
- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên;
- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc hợp nhất hợp tác xã.
- *Trường hợp đăng ký hợp tác xã hợp nhất là tổ chức tín dụng kèm theo hồ sơ phải có bản sao hợp lệ giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.*

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 150.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- *Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;*

- *Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT*

- *Danh sách hợp tác xã thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;*

- *Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):**

- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm; trừ trường hợp kinh doanh ngành, nghề yêu cầu phải có điều kiện;

- Tên của hợp tác xã được đặt theo quy định tại Điều 22 của Luật Hợp tác xã, Điều 7, 8, 9, 10 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP, Khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- *Hồ sơ đăng ký có đầy đủ giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật;*

- *Trụ sở chính của hợp tác xã được xác định gồm số nhà, tên đường, phố, xã, phường, thị trấn, huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, tỉnh, thành phố trực*

thuộc trung ương trên lãnh thổ Việt Nam; số điện thoại, số fax và thư điện tử (nếu có).

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.



**Phụ lục I-1**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**Đăng ký thành lập hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....là người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã

**Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**

**1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)**

Thành lập mới

Thành lập trên cơ sở tách hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã

Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã

**2. Tên hợp tác xã:**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt (nếu có): .....

**3. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

**4. Ngành, nghề kinh doanh<sup>1</sup>** (ghi tên và mã ngành, nghề kinh doanh theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam):

| STT | Tên ngành | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|-----------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |           |          |                                                                                           |

**5. Vốn điều lệ:**

Vốn điều lệ (bằng số; VND): .....

Vốn điều lệ (bằng chữ; VND): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  có  không

**6. Nguồn vốn điều lệ:**

| Loại nguồn vốn         | Số tiền (bằng số; VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) |
|------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Vốn ngân sách nhà nước |                                                                                   |           |
| Vốn tư nhân            |                                                                                   |           |
| Vốn nước ngoài         |                                                                                   |           |
| Vốn khác               |                                                                                   |           |
| Tổng cộng              |                                                                                   |           |

**7. Số lượng thành viên:** .....

Danh sách thành viên hợp tác xã: (kê khai theo mẫu): Gửi kèm

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

<sup>1</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm:

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (*nếu có*): ...../...../.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): .....

### 9. Thông tin đăng ký thuế:

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                         |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 9.1 | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) ( <i>nếu có</i> ):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                  |
| 9.2 | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán ( <i>nếu có tại thời điểm kê khai</i> ):<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: ..... |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     | Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 9.3 | Địa chỉ nhận thông báo thuế ( <i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính</i> ):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại ( <i>nếu có</i> ): .....Fax ( <i>nếu có</i> ): .....<br>Email ( <i>nếu có</i> ): ..... |
| 9.4 | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>2</sup> ( <i>trường hợp hợp tác xã dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì không cần kê khai nội dung này</i> ): ...../...../.....                                                                                                                                                                          |
| 9.5 | Hình thức hạch toán ( <i>đánh dấu X vào ô thích hợp</i> ):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                                                             |
| 9.6 | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>3</sup><br>( <i>ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán</i> )                                                                                                                                                                                                                                     |
| 9.7 | Tổng số lao động ( <i>dự kiến</i> ): .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 9.8 | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| 9.9 | Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>4</sup> :<br>Khấu trừ <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên GTGT <input type="checkbox"/><br>Trực tiếp trên doanh số <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                             |

<sup>2</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>3</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

<sup>4</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chi tiêu này.

|      |                                                                  |                        |
|------|------------------------------------------------------------------|------------------------|
|      | Không phải nộp thuế GTGT <input type="checkbox"/>                |                        |
| 9.10 | Thông tin về Tài khoản ngân hàng (nếu có tại thời điểm kê khai): |                        |
|      | Tên ngân hàng                                                    | Số tài khoản ngân hàng |
|      | .....                                                            | .....                  |

**10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất** (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>5</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>6</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị chia, bị hợp nhất.

Tôi cam kết:

- Trữ sở chính thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký hợp tác xã trên.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>7</sup>

<sup>5,6</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>7</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

## Phụ lục I-2

# PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

## PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

## PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
  1. Tên hợp tác xã
  2. Địa chỉ trụ sở chính
  3. Vốn điều lệ
  4. Số lượng thành viên
  5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

## PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
  1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
  2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
  3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (*đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm*)
- V. Kế hoạch Marketing
- VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

## PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

- I. Phương án huy động và sử dụng vốn
- II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu
- III. Phương án tài chính khác

## PHẦN V. KẾT LUẬN

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký và ghi họ tên)<sup>1</sup>

<sup>1</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

Phụ lục I-3

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| S<br>T<br>T | Tên<br>thành<br>viên | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp pháp<br>của hộ<br>gia đình | Giới<br>tính | Quốc<br>tịch | Dân<br>tộc | Chỗ ở<br>hiện tại<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Nơi đăng<br>ký hộ<br>khẩu<br>thường<br>trú đối<br>với cá<br>nhân; địa<br>chỉ trụ sở<br>chính đối<br>với tổ<br>chức | Số, ngày, cơ quan cấp<br>Chứng minh nhân<br>dân/Căn cước công<br>dân hoặc Hộ chiếu<br>đối với cá nhân; Giấy<br>chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp (hoặc<br>các giấy chứng nhận<br>tương đương) đối với<br>doanh nghiệp; Quyết<br>định thành lập đối với<br>tổ chức | Vốn góp                                                                                                                |                 | Thời<br>điểm<br>hoàn<br>thành<br>góp<br>vốn | Mã số<br>dự án,<br>ngày<br>cấp, cơ<br>quan<br>cấp<br>Giấy<br>chứng<br>nhận<br>đăng ký<br>đầu tư<br>(nếu có) | Chữ<br>ký<br>của<br>thành<br>viên <sup>1</sup> | Ghi<br>chú |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------|
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giá trị phần<br>vốn góp<br>(bằng số;<br>VNĐ và giá<br>trị tương<br>đương theo<br>đơn vị tiền<br>nước ngoài,<br>nếu có) | Tỷ<br>lệ<br>(%) |                                             |                                                                                                             |                                                |            |
| 1           | 2                    | 3                                                                                                                             | 4            | 5            | 6          | 7                                                                                                                      | 8                                                                                                                  | 9                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10                                                                                                                     | 11              | 12                                          | 13                                                                                                          | 14                                             | 15         |
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                        |                 |                                             |                                                                                                             |                                                |            |

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

Phụ lục I-4

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),  
BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| STT                                                | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu | Chức danh | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1                                                  | 2         | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10        | 11      |
| <b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>              |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>                 |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
|                                                    |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b> |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |

....., ngày.... tháng.... năm...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
 CỦA HỢP TÁC XÃ**  
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.



## 8. Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Hội đồng quản trị của các hợp tác xã bị sáp nhập xây dựng phương án sáp nhập trình đại hội thành viên của mình quyết định và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho các chủ nợ, các tổ chức và cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về quyết định sáp nhập.

- Hội đồng quản trị của các hợp tác xã bị sáp nhập hiệp thương về phương án sáp nhập, gồm các nội dung chủ yếu sau: phương án xử lý tài sản, vốn, các khoản nợ; phương án xử lý lao động và những vấn đề tồn đọng của các hợp tác xã bị sáp nhập.

- Hợp tác xã sau khi sáp nhập nộp hồ sơ đăng ký thay đổi tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Người có thẩm quyền đăng ký cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã, *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp đăng ký theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch phải thông báo rõ nội dung cần sửa đổi, bổ sung bằng văn bản cho người đăng ký thay đổi hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. Phòng Tài chính - Kế hoạch ghi toàn bộ yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã đối với mỗi một bộ hồ sơ do hợp tác xã nộp trong 01 Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã

- Trường hợp hồ sơ đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã, hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ và phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cũ cho Phòng Tài chính - Kế hoạch.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền đăng ký thay đổi hợp tác xã hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi hợp tác xã, thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin đăng ký hợp tác xã được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi hợp tác xã theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị đăng ký thay đổi hợp tác xã theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký thay đổi hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký thay đổi hợp tác xã qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đăng ký, cá nhân có thẩm quyền đăng ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã;
- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc sáp nhập hợp tác xã.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**d) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục (nếu có):** Không có

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

**Phụ lục I-5**

**TÊN HỢP TÁC XÃ**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp*):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã*)

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã: .....

b) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã: .....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (*chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã*):

a) Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>2</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>3</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị ..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/  
thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**

(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/  
thông báo thay đổi và gửi kèm)

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa): .....

.....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có): .....

.....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có): .....

.....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**

**Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

<sup>2,3</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

## ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>4</sup>

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Chi chú |
|-----|-----------------------------------------|----------|---------|
|     |                                         |          |         |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Chi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                              |          |         |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                  |          |         |

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh chính | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------|---------|
|     |                                  |          |         |

<sup>4</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;  
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;  
 - Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

|  |  |  |  |
|--|--|--|--|
|  |  |  |  |
|--|--|--|--|

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND): .....

Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND): .....

Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....

Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không

Thời điểm thay đổi vốn: .....

Hình thức tăng, giảm vốn: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ**



| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                        |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>5</sup> :<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có): ..... |
| 4   | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>6</sup> :...../...../.....                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5   | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                          |
| 6   | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>7</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                                                                                  |
| 7   | Tổng số lao động: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| 8   | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                                                                                     |

<sup>5</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>7</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

| 9             | Phương pháp tính thuế GTGT ( <i>chọn 1 trong 4 phương pháp</i> ) <sup>8</sup> :<br><br><div style="display: flex; justify-content: space-between;"> <div>Khấu trừ</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div>Trực tiếp trên GTGT</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div>Trực tiếp trên doanh số</div> <input type="checkbox"/> </div> <div style="display: flex; justify-content: space-between; margin-top: 10px;"> <div>Không phải nộp thuế GTGT</div> <input type="checkbox"/> </div> |               |                        |       |       |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|
| 10            | Thông tin về Tài khoản ngân hàng:<br><table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 50%; text-align: center;">Tên ngân hàng</th> <th style="width: 50%; text-align: center;">Số tài khoản ngân hàng</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">.....</td> <td style="text-align: center;">.....</td> </tr> </tbody> </table>                                                                                                                                                                                                                                                      | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |               |                        |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |               |                        |       |       |

**ĐĂNG KÝ  
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân

Căn cước công dân

Hộ chiếu

Loại khác (*ghi rõ*):.....

Số giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: ....../...../..... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (*nếu có*): .../.../...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

<sup>8</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Tỉnh/Thành phố: .....  
Quốc gia: .....  
Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....  
Email (nếu có): .....  
Đề nghị ..... (tên cơ quan đăng ký hợp  
tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng  
quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

### THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:**

.....  
.....  
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>9</sup>

<sup>9</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.  
Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

**9. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)**

**a) Trình tự thực hiện:**

**+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Khi bị mất hoặc bị hư hỏng giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. .

- Người có thẩm quyền cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

**Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã khi:

+ Có đủ giấy tờ theo quy định;

+ Thông tin của hợp tác xã đã được kê khai đầy đủ vào các giấy tờ trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã theo quy định;

+ Có địa chỉ liên lạc của người nộp hồ sơ;

+ Đã nộp lệ phí đăng ký kinh doanh theo quy định.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

**Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng

ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh nếu hồ sơ hợp lệ: Nếu không thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng thì hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

+ **Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đề nghị cấp lại qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị cấp lại theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị cấp lại theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt

buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ đề nghị cấp lại qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đề nghị cấp lại giấy chứng nhận, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đề nghị cấp lại qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền đăng ký. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

e) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

*Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh*

i) **Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

k) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-18 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

l) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có

m) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

TÊN HỢP TÁC XÃ

-----

Phụ lục I-18  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ

**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã,  
Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại  
diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác  
xã<sup>1</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....Ngày  
cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận  
đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng  
nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

Thông tin về chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (chỉ kê khai  
trong trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng  
đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh):

- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh: .....

- Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/ địa điểm kinh doanh: .....

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đề nghị cấp lại Giấy  
chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh hợp tác xã (trường hợp không có mã  
số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh): .....Ngày cấp:  
...../...../..... Nơi cấp: .....

Lý do đề nghị cấp lại: .....

.....  
.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp  
pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/**

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>2</sup>



## 10. Giải thể tự nguyện hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Chuẩn bị hồ sơ**

- Tiến hành đại hội thành viên và ra nghị quyết về việc giải thể tự nguyện.  
- Đại hội thành viên thành lập và quy định trách nhiệm, quyền hạn, thời hạn hoạt động của hội đồng giải thể. Hội đồng giải thể bao gồm: đại diện hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, ban điều hành, đại diện của thành viên.

- Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đại hội thành viên ra quyết định thành lập hội đồng giải thể phải thực hiện các công việc sau:

+ Thông báo về việc giải thể tới *Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện* đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; đăng báo địa phương nơi hợp tác xã hoạt động trong 03 số liên tiếp về việc giải thể;

+ Thông báo tới tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh tế với hợp tác xã về thời hạn thanh toán nợ, thanh lý các hợp đồng; thực hiện việc xử lý tài sản, vốn của hợp tác xã;

+ Tiến hành thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

##### **Bước 2: Nộp hồ sơ**

- Sau khi hoàn thành việc giải thể, hội đồng giải thể gửi 01 bộ hồ sơ về việc giải thể hợp tác xã tới *Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

- Người có thẩm quyền cần có bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (*Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài*).

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) *Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam;*

---

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

- Trường hợp đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

### **Bước 3: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ giải thể tự nguyện hợp tác xã được tiếp nhận để nhập thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ giải thể tự nguyện hợp tác xã, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao Giấy biên nhận về việc nhận hồ sơ cho người nộp hồ sơ.

### **Bước 4: Xử lý hồ sơ**

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành ra xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi nhận giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Nếu không thực hiện đăng ký giải thể cho hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ giải thể tự nguyện điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục giải thể tự nguyện hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ đăng ký điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ giải thể tự nguyện hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ giải thể tự nguyện qua mạng điện tử

phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo giải thể theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo giải thể theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến giải thể tự nguyện hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Thời hạn để hợp tác xã sửa đổi, bổ sung hồ sơ giải thể tự nguyện qua mạng điện tử là 60 ngày kể từ ngày Phòng Tài chính - Kế hoạch ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu không nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung của hợp tác xã, Phòng Tài chính - Kế hoạch sẽ hủy hồ sơ theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ giải thể tự nguyện qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch tiến hành ra xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ giải thể tự nguyện bằng văn bản để đối chiếu và lưu hồ sơ. Đồng thời, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi nhận giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Nếu không thực hiện đăng ký giải thể cho hợp tác xã thì Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký

*hợp tác xã được phát triển.*

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Thông báo về việc giải thể hợp tác xã;
- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã;
- Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã;
- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;
- Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** *Thông báo về việc giải thể hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1-13 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Hợp tác xã phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của mình trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-13  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

### THÔNG BÁO

#### Về việc giải thể hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>3</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

#### Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

*Trường hợp hợp tác xã gửi Quyết định giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 1 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:*

Quyết định giải thể số:..... ngày.../...../.....

Lý do giải thể: .....

.....  
.....

Kính đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thông báo tình trạng hợp tác xã đang làm thủ tục giải thể, đăng tải quyết định giải thể và phương án giải quyết nợ của hợp tác xã (nếu có) trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

*Trường hợp hợp tác xã nộp hồ sơ giải thể đến cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Khoản 4 Điều 54 Luật Hợp tác xã thì ghi:*

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản. Kính đề nghị .....(tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) cập nhật tình trạng pháp lý của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng đã giải thể. Hợp tác xã hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>4</sup>

<sup>3</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>4</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

## 11. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

+ *Trường hợp đăng ký trực tiếp:*

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thay đổi nội dung điều lệ, nội dung đăng ký thuế, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên thì hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính. Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết).

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao giấy biên nhận khi nhận thông báo và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

+ *Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):*

#### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

#### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo thay đổi theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo thay đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã;

- Điều lệ sửa đổi (trong trường hợp thay đổi điều lệ của hợp tác xã);

- Danh sách hợp tác xã thành viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên);

- Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên).

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Giấy thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.

- Danh sách thành viên hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT (trong trường hợp thay đổi số lượng hợp tác xã thành viên);

- Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT (trong trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.



TÊN HỢP TÁC XÃ

-----

Phụ lục I-5  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã hoặc sáp nhập hợp tác xã, đánh dấu X vào ô thích hợp):

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã

- Đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã

Thông tin về hợp tác xã được tách (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở tách hợp tác xã)

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã: .....

Thông tin về hợp tác xã bị sáp nhập (chỉ kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi trên cơ sở sáp nhập hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>2</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>3</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị ..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) thực hiện chấm dứt tồn tại đối với hợp tác xã bị sáp nhập và các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị sáp nhập.

**Hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã/**

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>2,3</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã như sau:**  
(Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký/  
thông báo thay đổi và gửi kèm)

### **DĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ**

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (ghi bằng chữ in hoa): .....

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (nếu có): .....

Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (nếu có): .....

### **DĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**

**Địa chỉ trụ sở chính sau khi thay đổi:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): ..... Website (nếu có): .....

Đồng thời thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế (Đánh dấu X vào ô vuông nếu hợp tác xã thay đổi địa chỉ nhận thông báo thuế tương ứng với địa chỉ trụ sở chính).

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã dự định chuyển đến thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

### **DĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH<sup>4</sup>**

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung | Mã ngành | Chi chú |
|-----|-----------------------------------------|----------|---------|
|     |                                         |          |         |

<sup>4</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư; Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký | Mã ngành | Chi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                              |          |         |

**3. Sửa đổi chi tiết ngành, nghề kinh doanh sau** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được sửa đổi chi tiết | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------|----------|---------|
|     |                                                  |          |         |

**4. Thay đổi ngành nghề kinh doanh chính** (kê khai trong trường hợp hợp tác xã đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh chính đã đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã):

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh chính | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|----------------------------------|----------|---------|
|     |                                  |          |         |

**Lưu ý:**

Trường hợp hợp tác xã thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh mới tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh cũ tại Mục 2.

Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bổ sung hoặc ngành, nghề kinh doanh được bỏ ra khỏi danh sách đã đăng ký là ngành, nghề kinh doanh chính của hợp tác xã thì hợp tác xã kê khai đồng thời tại Mục 1 (hoặc Mục 2) và Mục 4 nêu trên.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ**

Vốn điều lệ đã đăng ký (bằng số, bằng chữ, VND): .....  
 Vốn điều lệ sau khi thay đổi (bằng số, bằng chữ, VND): .....  
 Giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài (nếu có): .....  
 Có hiển thị thông tin về giá trị tương đương theo đơn vị tiền tệ nước ngoài trên Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hay không?  Có  Không  
 Thời điểm thay đổi vốn: .....  
 Hình thức tăng, giảm vốn: .....

**THÔNG BÁO THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ/SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN/  
 THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN**

1. Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

2. Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên sau khi thay đổi.

(Lưu ý: Hợp tác xã chỉ kê khai các thành viên mới được bổ sung hoặc các thành viên ra khỏi hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3 ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản Danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4 ban hành kèm theo Thông tư này.

### THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ THUẾ

| STT | Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc) (nếu có):<br>Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                                                        |
| 2   | Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán (nếu có) <sup>5</sup> :<br>Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: .....<br>Điện thoại: .....                                                                                                                                                                                          |
| 3   | Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở chính):<br>Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn:.....<br>Xã/Phường/Thị trấn: .....<br>Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....<br>Tỉnh/Thành phố: .....<br>Điện thoại: ..... Fax (nếu có): .....<br>Email (nếu có): ..... |
| 4   | Ngày bắt đầu hoạt động <sup>6</sup> :...../...../.....                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| 5   | Hình thức hạch toán (đánh dấu X vào ô thích hợp):<br>Hạch toán độc lập <input type="checkbox"/><br>Hạch toán phụ thuộc <input type="checkbox"/>                                                                                                                                                                                          |
| 6   | Năm tài chính:<br>Áp dụng từ ngày ...../.....đến ngày ...../..... <sup>7</sup><br>(ghi ngày, tháng bắt đầu và kết thúc niên độ kế toán)                                                                                                                                                                                                  |
| 7   | Tổng số lao động: .....                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

<sup>5</sup> Trường hợp hợp tác xã kê khai hình thức hạch toán là Hạch toán độc lập tại chỉ tiêu 5 thì bắt buộc phải kê khai thông tin về Kế toán trưởng/phụ trách kế toán tại chỉ tiêu 2.

<sup>6</sup> Trường hợp hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

<sup>7</sup> - Trường hợp niên độ kế toán theo năm dương lịch thì ghi từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

- Trường hợp niên độ kế toán theo năm tài chính khác năm dương lịch thì ghi ngày, tháng bắt đầu niên độ kế toán là ngày đầu tiên của quý; ngày, tháng kết thúc niên độ kế toán là ngày cuối cùng của quý.

- Tổng thời gian từ ngày bắt đầu đến ngày kết thúc niên độ kế toán phải đủ 12 tháng hoặc 4 quý liên tiếp.

|               |                                                                                                                                                                                                                                                                                  |               |                        |       |       |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|------------------------|-------|-------|
| 8             | Hoạt động theo dự án BOT/ BTO/ BT/ BOO, BLT, BTL, O&M:<br><br><input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không                                                                                                                                                         |               |                        |       |       |
| 9             | Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 4 phương pháp) <sup>8</sup> :<br>Khấu trừ<br>Trực tiếp trên GTGT<br>Trực tiếp trên doanh số<br>Không phải nộp thuế GTGT<br><input type="checkbox"/><br><input type="checkbox"/><br><input type="checkbox"/><br><input type="checkbox"/> |               |                        |       |       |
| 10            | Thông tin về Tài khoản ngân hàng:<br><table border="1" style="width:100%"> <tr> <td style="width:50%">Tên ngân hàng</td> <td style="width:50%">Số tài khoản ngân hàng</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table>                                               | Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng | ..... | ..... |
| Tên ngân hàng | Số tài khoản ngân hàng                                                                                                                                                                                                                                                           |               |                        |       |       |
| .....         | .....                                                                                                                                                                                                                                                                            |               |                        |       |       |

**ĐĂNG KÝ  
THAY ĐỔI ĐỐI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật với các nội dung sau:**

Người đại diện theo pháp luật sau khi thay đổi:

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): ..... Giới tính: .....

Chức danh: .....

Sinh ngày: ...../...../..... Dân tộc: ..... Quốc tịch: .....

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân  Căn cước công dân  
 Hộ chiếu  Loại khác (ghi rõ):.....

Sơ giấy tờ chứng thực cá nhân: .....

Ngày cấp: .... / .... / .... Nơi cấp: ..... Ngày hết hạn (nếu có): ... / ... / ...

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

**Chỗ ở hiện tại:**

Số nhà, ngách, hẻm, ngõ, đường phố/tổ/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Quốc gia: .....

Điện thoại (nếu có): ..... Fax (nếu có): .....

Email (nếu có): .....

<sup>8</sup> Hợp tác xã căn cứ vào quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng và dự kiến hoạt động kinh doanh của hợp tác xã để xác định 01 trong 04 phương pháp tính thuế giá trị gia tăng tại chỉ tiêu này.

Đề nghị ..... (tên cơ quan đăng ký hợp tác xã) cập nhật thông tin về Chủ tịch Hội đồng quản trị tại Danh sách Hội đồng quản trị trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**THÔNG BÁO BỔ SUNG, CẬP NHẬT THÔNG TIN  
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

**Bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký hợp tác xã như sau:**

.....  
.....  
.....

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và các tài liệu được gửi kèm theo.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>9</sup>

---

<sup>9</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp hợp tác xã thay đổi người đại diện theo pháp luật hoặc thay đổi nhiều nội dung đăng ký hợp tác xã, trong đó có thay đổi người đại diện theo pháp luật thì người ký thông báo là Chủ tịch hội đồng quản trị mới được bầu.

**Phụ lục I-3**  
**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| S<br>T<br>T | Tên<br>thành<br>viên | Ngày,<br>tháng,<br>năm sinh<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp pháp<br>của hộ<br>gia đình | Giới<br>tính | Quốc<br>tịch | Dân<br>tộc | Chỗ ở<br>hiện tại<br>đối với<br>thành<br>viên là<br>cá nhân,<br>người<br>đại diện<br>hợp<br>pháp của<br>hộ gia<br>đình | Nơi đăng<br>ký hộ<br>khẩu<br>thường<br>trú đối<br>với cá<br>nhân; địa<br>chỉ trụ sở<br>chính đối<br>với tổ<br>chức | Số, ngày, cơ quan cấp<br>Chứng minh nhân<br>dân/Căn cước công<br>dân hoặc Hộ chiếu<br>đối với cá nhân; Giấy<br>chứng nhận đăng ký<br>doanh nghiệp (hoặc<br>các giấy chứng nhận<br>tương đương) đối với<br>doanh nghiệp; Quyết<br>định thành lập đối với<br>tổ chức | Vốn góp                                                                                                                |                 | Thời<br>điểm<br>hoàn<br>thành<br>góp<br>vốn | Mã số<br>dự án,<br>ngày<br>cấp, cơ<br>quan<br>cấp<br>Giấy<br>chứng<br>nhận<br>đăng ký<br>đầu tư<br>(nếu có) | Chữ<br>ký<br>của<br>thành<br>viên <sup>1</sup> | Gi<br>ch |
|-------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|--------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------|
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    | Giá trị phân<br>vốn góp<br>(bằng số;<br>VNĐ và giá<br>trị tương<br>đương theo<br>đơn vị tiền<br>nước ngoài,<br>nếu có) | Tỷ<br>lệ<br>(%) |                                             |                                                                                                             |                                                |          |
| 1           | 2                    | 3                                                                                                                             | 4            | 5            | 6          | 7                                                                                                                      | 8                                                                                                                  | 9                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10                                                                                                                     | 11              | 12                                          | 13                                                                                                          | 14                                             | 15       |
|             |                      |                                                                                                                               |              |              |            |                                                                                                                        |                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                        |                 |                                             |                                                                                                             |                                                |          |

....., ngày.....tháng.....năm.....  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Trường hợp thành viên là tổ chức thì chữ ký là của người đại diện theo pháp luật của tổ chức.

<sup>2</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không cần đóng dấu.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*

**Phụ lục I-4**  
**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC),**  
**BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ**

| STT                                                | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Quốc tịch | Dân tộc | Chỗ ở hiện tại | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú | Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân/căn cước công dân hoặc hộ chiếu | Chức danh | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------|-----------|---------|----------------|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|-----------|---------|
| 1                                                  | 2         | 3                     | 4         | 5         | 6       | 7              | 8                              | 9                                                                         | 10        | 11      |
| <b>A. Danh sách Hội đồng quản trị</b>              |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>B. Giám đốc (Tổng Giám đốc)</b>                 |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
|                                                    |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| <b>C. Danh sách Ban kiểm soát (kiểm soát viên)</b> |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 1                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |
| 2                                                  |           |                       |           |           |         |                |                                |                                                                           |           |         |

....., ngày.... tháng.... năm...  
**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA HỢP TÁC XÃ**  
*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>3</sup>*

<sup>3</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

*Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.*



## 12. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

#### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) *Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.*

- *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* trao giấy biên nhận khi nhận thông báo và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

#### + Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp

của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

- e) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- g) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.
- h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Bổ sung hồ sơ đăng ký hợp tác xã.
- i) **Lệ phí:** Không.
- k) **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**  
*Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục 1-6 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*
- l) **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.
- m) **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**
- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;
  - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;
  - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;
  - Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;
  - *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-6  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

### THÔNG BÁO

Về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>51</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế):..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Hợp tác xã thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã như sau: (Hợp tác xã chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung thông báo và gửi kèm)

#### THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN

##### 1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

2. Số vốn góp: .....

#### THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

##### 1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (chỉ kê khai nếu không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế): ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

2. Số cổ phần: .....

3. Mệnh giá cổ phần: .....

4. Giá trị số cổ phần đã mua: .....

#### THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

##### 1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập

Tên doanh nghiệp: .....

Mã số doanh nghiệp: .....

2. Vốn điều lệ: .....

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>52</sup>

<sup>51</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>52</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

### 13. Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

#### a) Trình tự thực hiện:

##### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Khi tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, hợp tác xã gửi thông báo bằng văn bản đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã ít nhất 15 ngày trước khi tạm ngừng hoạt động.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) *Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.*

- *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* trao giấy biên nhận khi nhận thông báo và lưu vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã để theo dõi.

- Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu vẫn tiếp tục tạm ngừng hoạt động thì hợp tác xã phải thông báo tiếp cho *Phòng Tài chính - Kế hoạch* nhưng tổng thời gian tạm ngừng hoạt động liên tiếp không được quá 01 năm.

##### + Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào *Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử* theo quy trình trên *Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã*.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục

thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Tài chính

- Kế hoạch thực hiện lưu vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã để theo dõi.

### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký

*hợp tác xã được phát triển.*

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của Hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Lưu hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Thông báo về việc tạm ngừng kinh doanh của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

**Phụ lục I-10**

**TÊN HỢP TÁC XÃ**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**

**VỀ VIỆC TẠM NGỪNG KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ, CHI NHÁNH,  
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>53</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**1. Đối với hợp tác xã:**

Thông báo tạm ngừng kinh doanh từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm....

Lý do tạm ngừng: .....

Sau khi hợp tác xã tạm ngừng kinh doanh, đề nghị ..... (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã*) chuyển tình trạng hoạt động của tất cả các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã sang tình trạng tạm ngừng hoạt động.

**2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:**

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày.... tháng.... năm.... cho đến ngày.... tháng.... năm.... đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*) .....

.....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

<sup>53</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.



Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh):..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Chi nhánh chủ quản (chỉ kê khai đối với trường hợp đăng ký tạm ngừng hoạt động địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh):..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Lý do tạm ngừng: .....  
.....  
.....

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>54</sup>

---

54

- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.  
- Trường hợp tạm ngừng kinh doanh đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

#### 14. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

##### a) Trình tự thực hiện:

##### + Trường hợp đăng ký trực tiếp:

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở trong nước, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ thông báo đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*, nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã.

- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản cho *Phòng Tài chính - Kế hoạch* đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có thêm giấy tờ sau: (1) *Bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.*

- *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* trao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ hợp lệ và ra xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

##### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải

thông báo bằng văn bản cho Phòng Tài chính - Kế hoạch đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

**Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

**Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản thông báo theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực

hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã qua mạng điện tử, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ qua mạng điện tử. Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

**c) Thành phần hồ sơ:**

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

- Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** không.

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-11 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT;

- Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài theo mẫu quy định tại Phụ lục I-12 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT (trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài).

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

**Phụ lục I-11**

**TÊN HỢP TÁC XÃ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**

**Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>55</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):** .....

Mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*trường hợp không có mã số chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh*):  
.....

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn: .....

Xã/Phường/Thị trấn: .....

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh: .....

Tỉnh/Thành phố: .....

Điện thoại (*nếu có*):..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): ..... Website (*nếu có*): .....

<sup>55</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

**3. Chi nhánh chủ quản** (chỉ kê khai đối với trường hợp chấm dứt hoạt động của địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh):

Tên chi nhánh: .....

Địa chỉ chi nhánh: .....

Mã số chi nhánh/Mã số thuế của chi nhánh: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh (trường hợp không có mã số chi nhánh/mã số thuế của chi nhánh): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**4. Lý do chấm dứt hoạt động:** .....

.....

Hợp tác xã cam kết sẽ chịu trách nhiệm thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CỦA HỢP TÁC XÃ/  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH**  
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>56</sup>

---

<sup>56</sup>

- Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trực thuộc hợp tác xã, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.  
- Trường hợp chấm dứt hoạt động đối với địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh, người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã hoặc người đại diện chi nhánh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỢP TÁC XÃ

-----

Số: .....

Phụ lục I-12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

..... ngày..... tháng..... năm.....

## THÔNG BÁO

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,  
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*): .....

Mã số hợp tác xã/Mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>57</sup> (*chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế*): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

**Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:**

**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):** .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*): .....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..  
.....

**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

.....

Điện thoại (*nếu có*): ..... Fax (*nếu có*): .....

Email (*nếu có*): ..... Website (*nếu có*): .....

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh hoặc giấy tờ tương đương khác:** .....

Do (*tên cơ quan nước ngoài cấp*): ..... cấp ngày:...../...../.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)<sup>58</sup>

<sup>57</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>58</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.



## **15. Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã**

### **a) Trình tự thực hiện:**

#### **+ Trường hợp đăng ký trực tiếp:**

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Hợp tác xã có nhu cầu đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế, hợp tác xã nộp giấy đề nghị kèm theo bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* để được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Hợp tác xã lựa chọn ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam để ghi ngành, nghề kinh doanh trong Giấy đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn và ghi nhận ngành, nghề kinh doanh của hợp tác xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện trao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ hợp lệ cho hợp tác xã hoặc người nộp hồ sơ.

##### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện việc cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã.

**+ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử sử dụng chữ ký số công cộng (trong trường hợp được ứng dụng):**

##### **Bước 1: Nộp hồ sơ**

- Người có thẩm quyền hoặc người đại diện theo ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp người được cá nhân có thẩm quyền ủy quyền thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì người được ủy quyền kê khai thông tin, tải văn bản điện tử, ký số vào hồ sơ cấp đổi điện tử theo quy trình trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã.

##### **Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ**

- Hồ sơ cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử hợp lệ khi đảm bảo đầy đủ các yêu cầu sau: (1) Có đầy đủ các giấy tờ và nội dung các giấy tờ đó được kê khai đầy đủ theo quy định như hồ sơ bằng bản giấy và được

chuyển sang dạng văn bản điện tử. Tên văn bản điện tử phải được đặt tương ứng với tên loại giấy tờ trong hồ sơ bằng bản giấy; (2) Các thông tin được nhập đầy đủ và chính xác theo thông tin trong các văn bản điện tử; (3) Hồ sơ đề nghị cấp đổi qua mạng điện tử phải được xác thực bằng chữ ký số công cộng của một trong các chủ thể sau đây: (3a) Cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị cấp lại theo quy định; (3b) Người được cá nhân có thẩm quyền ký văn bản đề nghị cấp đổi theo quy định ủy quyền thực hiện thủ tục liên quan đến cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: (1) bản sao hợp lệ một trong các giấy tờ chứng thực cá nhân (Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu Việt Nam còn hiệu lực đối với công dân Việt Nam; Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực đối với người nước ngoài); (2) Bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực.

- Sau khi hoàn thành việc gửi hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận, cá nhân có thẩm quyền hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền sẽ nhận được giấy biên nhận hồ sơ đề nghị cấp đổi qua mạng điện tử.

### **Bước 3: Xử lý hồ sơ**

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Phòng Tài chính - Kế hoạch gửi thông báo qua mạng điện tử cho cá nhân có thẩm quyền ký hoặc người được cá nhân có thẩm quyền ký ủy quyền để yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Hợp tác xã phải nộp hồ sơ bằng văn bản khi nhận giấy chứng nhận đăng ký để đối chiếu và lưu hồ sơ.

#### **b) Cách thức thực hiện:**

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Qua mạng điện tử trong trường hợp Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã được phát triển.

#### **c) Thành phần hồ sơ:**

- Bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người có thẩm quyền. Trường hợp được ủy quyền, phải có thêm: (1) bản sao hợp lệ giấy tờ chứng thực cá nhân của người được ủy quyền; (2) bản sao hợp lệ hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó

cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật. Văn bản này không bắt buộc phải công chứng, chứng thực;

- Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp trước đây và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký thuế

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**i) Lệ phí:** 30.000 đồng/lần chứng nhận (Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre).

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

*Giấy đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-17 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT.*

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

- *Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.*

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-17  
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

### GIẤY ĐỀ NGHỊ

#### Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa): .....

Mã số hợp tác xã/mã số thuế: .....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã<sup>1</sup> (chỉ kê khai nếu không có mã số hợp tác xã/mã số thuế): .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Trong Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, đề nghị cập nhật, bổ sung mã ngành kinh tế cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với những ngành, nghề kinh doanh mà hợp tác xã đã đăng ký kinh doanh như sau<sup>2</sup>:

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh | Mã ngành | Ngành, nghề kinh doanh chính<br>(đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai) |
|-----|----------------------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                            |          |                                                                                           |

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

#### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)<sup>59</sup>

<sup>1</sup> Ghi theo số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

<sup>2</sup> Hợp tác xã có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;

- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, hợp tác xã chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư, Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật Đầu tư;

- Hợp tác xã chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính. Cách ghi ngành, nghề kinh doanh thực hiện theo Khoản 5 Điều 1 Thông tư này.

- Hợp tác xã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT không cần ghi lại ngành, nghề kinh doanh tại mục này.

<sup>59</sup> Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã ký trực tiếp vào phần này.

**Ghi chú:** Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung.

## 16. Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

### a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Khi thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã gửi 01 bộ hồ sơ đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

- Bước 2: Khi tiếp nhận hồ sơ, *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*:

+ Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

+ Trường hợp được ủy quyền thì phải có giấy tờ sau: Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

- Bước 3: *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện* trao giấy biên nhận khi nhận hồ sơ đảm bảo tính hợp lệ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, *Phòng Tài chính - Kế hoạch* đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã bàn giao đầy đủ 01 bộ hồ sơ đăng ký cho hợp tác xã và lưu giữ 01 bản sao bộ hồ sơ đó tại *Phòng Tài chính - Kế hoạch*. Khi bàn giao hồ sơ cho hợp tác xã, phải có giấy biên nhận có chữ ký của người trao, người nhận hồ sơ, toàn bộ hồ sơ được niêm phong và được giao cho người nhận.

Trong trường hợp không bàn giao bộ hồ sơ đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã thì *Phòng Tài chính - Kế hoạch* phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 4: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải tiến hành đăng ký thay đổi nơi đăng ký hợp tác xã tại *Phòng Tài chính - Kế hoạch* đăng ký hợp tác xã mới.

*Phòng Tài chính - Kế hoạch* đăng ký hợp tác xã mới thực hiện việc thay đổi và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

- Bước 5: Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã được cấp trước đó.

### b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện đến *Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện*;

### c) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;

- Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã;

- Bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao (khi hợp tác xã tiến hành đăng ký tại *Phòng Tài chính - Kế hoạch* đăng ký hợp tác xã mới).

**d) Số lượng hồ sơ:** 01 bộ hồ sơ.

**đ) Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

**g) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-16 Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT.

**i) Lệ phí:** Không

**k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.

**l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không có.

**m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012;

- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã;

- Nghị quyết số 23/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bến Tre;

TÊN HỢP TÁC XÃ

Phụ lục I-16

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

..... ngày..... tháng..... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**

**Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:.....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

**Đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã với nội dung sau:**

**1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đã đăng ký**

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email: .....

Website: .....

**2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã dự định đăng ký**

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã: .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email: .....

Website: .....

Lý do thay đổi: .....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

- .....

- .....

- .....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)